TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
----------	----------

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 09/3/2023
Về việc:"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Thuý Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chu Quang Liêm và bà Nguyễn Thị Hồng.

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 321/2022/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2022 về *việc:"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị U, sinh năm: 1987.

ĐKHKTT: khu LTB, thị trấn TK, huyện TK, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: xóm 4, khu ANhĐ, thị trấn TK, huyện TK, tỉnh Hải Dương. Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Phạm Chí B, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: khu LTB, thị trấn TK, huyện TK, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Trần Thị U trình bày: Chị và anh Phạm Chí B kết hôn với nhau vào ngày 07/06/2008. Trước khi kết hôn, anh chị được tự do tìm hiểu nhau khoảng 4 năm và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn TK, huyện TK, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại nhà của bố mẹ đẻ anh B. Cuộc

sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, vợ chồng không có cùng quan điểm sống và không thống nhất với nhau trong công việc hàng ngày. Anh B mải chơi, không tu chí làm ăn, không tập trung kinh tế với chị, thậm chí anh B còn sử dụng ma túy. Trong cuộc sống vợ chồng, anh chị không có sự quan tâm, chia sẻ đối với nhau nên cuộc sống chung của anh chị không có hạnh phúc. Chị và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh B không thay đổi. Do không thể chịu đựng được cuộc sống chung như vậy nên tháng 9 năm 2013, chị đã về ở nhờ nhà bố mẹ đẻ chị tại xóm 4, khu ANhĐ, thị trấn TK, huyện TK, tỉnh Hải Dương sinh sống. Từ đó đến nay, vợ chồng sống ly thân, mỗi người một nơi không còn quan tâm đến nhau nữa. Đến nay, chị nhận thấy vợ chồng không còn cơ hội để đoàn tụ và tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Gia đình hai bên đã hòa giải cho anh chị nhưng không thành. Anh B cũng không quan tâm đến mẹ con chị và vợ chồng chị thực sự chấm dứt quan hệ vợ chồng từ tháng 9 năm 2013 đến nay, anh B cũng không về nhà chị gặp chị và không đón chị về nhà anh B để đoàn tụ vợ chồng. Cuộc sống chung của anh chị đến nay không thể kéo dài tình trạng này và chị cảm thấy mệt mỏi, không có hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Chí B để anh chị có thể xây dựng cuộc sống mới ổn định, hạnh phúc hơn. Mẹ con chị có chỗ ở ổn định tại nhà bố mẹ đẻ chị và chị làm công nhân tại công ty SES VINA, thu nhập trung bình của chị được khoảng 5-6 triệu đồng/tháng nên đủ điều kiện nuôi dưỡng con tốt. Nay, chị vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B và giải quyết về quan hệ con chung của anh chị.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Phạm Chí B thông qua mẹ đẻ anh B là bà Ngô Thị L. Bà L xác định: anh B không có nhà nên ông bà nhận thay và đã thông báo lại các văn bản của Tòa án cho anh B đầy đủ nhưng do anh B đi làm xa, công việc bận nên anh B không thể có mặt tại Tòa án được, anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh, anh nhất trí ly hôn với chị U và đồng ý việc chị U nuôi dưỡng con chung đồng thời anh cũng đồng ý với việc chị U không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con. Theo bà L trình bày, chị U và anh B kết hôn với nhau vào ngày 07/6/2008, được đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn TK, huyện TK. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với ông bà. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, không cùng quan điểm sống và không thống nhất được với nhau trong công việc. Vợ chồng không tập trung kinh tế, thiếu sự quan tâm, chia sẻ đối với nhau nên cuộc sống chung không hạnh phúc. Hai bên gia đình cũng đã nhiều lần khuyên nhủ, động viên nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Tháng 9/2013, do cuộc sống vợ chồng không hợp nên chị U đã về ở nhờ nhà bố mẹ đẻ, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Từ ngày chị U về nhà bố mẹ đẻ ở thì anh B cũng đi làm xa, bà không rõ địa chỉ anh B ở đâu, thỉnh thoảng anh mới về thăm

gia đình. Bà có hỏi anh nhưng anh không nói địa chỉ ở đâu và không cho bà biết anh ở đâu. Anh B vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú với vợ chồng bà tại địa chỉ này, anh vẫn thường xuyên gọi điện cho ông bà và ông bà vẫn thường xuyên liên lạc với anh hàng ngày. Anh chị đã ly thân gần 10 năm nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay, chị U xin ly hôn anh B thì bà đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn để sớm ổn định cuộc sống. Về con chung, vợ chồng chị U và anh B có một con chung. Nguyện vọng của chị U xin được nuôi con và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con thì vợ chồng bà cũng nhất trí. Về tài sản chung, tài sản riêng, về các khoản nợ chung, cho vay chung, nợ riêng, cho vay riêng, công sức đóng góp với vợ chồng ông bà thì anh chị không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/01/2023, ông Trần Xuân Qu, bố đẻ của chị U trình bày: Chị Trần Thị U và anh Phạm Chí B kết hôn với nhau vào năm 2008 tại Ủy ban nhân dân thị trấn TK, huyện TK, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng hạnh phúc được 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có cùng quan điểm sống và không thống nhất với nhau trong mọi việc, không tập trung kinh tế, thiếu sự quan tâm, chia sẻ đối với nhau nên cuộc sống chung của anh chị không có hạnh phúc. Gia đình đã nhiều lần khuyên nhủ và hòa giải cho anh chị nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Tháng 9 năm 2013, chị U đã về ở nhờ nhà ông, vợ chồng ly thân từ đó. Nay, chị U xin ly hôn anh B, quan điểm của gia đình ông mong muốn vợ chồng anh chị về đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con chung nhưng do vợ chồng anh chị đã sống ly thân được gần 10 năm nay, không còn quan tâm đến nhau nên ông đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị U cho chị U được ly hôn với anh B. Vợ chồng anh chị có một con chung, hiện con đang ở với chị U và gia đình ông, do chị U trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vợ chồng ông có chỗ ở ổn định, nhà cửa rộng rãi và chị U làm công nhân, thu nhập trung bình được 5-6 triệu đồng/tháng nên đủ điều kiện nuôi dưỡng con tốt. Để tạo điều kiện cho con chung của anh chị trong cuộc sống, ông đề nghị Tòa án tiếp tục giao con chung của anh chị cho chị U chăm sóc, nuôi dưỡng. Về tài sản chung, tài sản riêng, về các khoản nợ chung, cho vay chung, nợ riêng, cho vay riêng, công sức đóng góp với vợ chồng ông thì anh chị không có.

Về quan hệ con chung: Chị U và gia đình hai bên trình bày, vợ chồng anh chị có một con chung là Phạm Mai H, sinh ngày 20/11/2008. Hiện, chị U đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Chị đề nghị Tòa án giao cho chị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Chị tự nguyện không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, chị có chỗ ở ổn định tại nhà của bố mẹ đẻ chị, chị làm công nhân tại công ty SES VINA, thu nhập trung bình của chị được khoảng 5-6 triệu đồng/tháng nên đủ điều kiện nuôi dưỡng con tốt. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 10/01/2023, cháu Phạm Mai H có nguyện vọng được ở với chị U.

Về tài sản chung, tài sản riêng, về các khoản nợ chung, cho vay chung, nợ

riêng, cho vay riêng, công sức đóng góp với gia đình hai bên anh chị không có, chị U không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Biên bản xác minh ngày 09/01/2023 tại Ủy ban nhân dân thị trấn TK thể hiện: Chị U và anh B được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn TK, huyện TK vào ngày 07/6/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh B. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, không có sự quan tâm, chia sẻ với nhau, không tập trung kinh tế, anh chị đã sống ly thân gần 10 năm nay, không còn quan tâm đến nhau. Từ ngày chị U về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, anh B đi làm xa ở đâu địa phương không nắm được, thỉnh thoảng anh vẫn về nhà và vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương. Nay, chị U xin ly hôn anh B, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị U và gia đình hai bên. Anh chị có một con chung do chị U nuôi dưỡng. Về con chung, đề nghị Tòa án giao con chung cho chị U nuôi dưỡng. Về quan hệ tài sản, anh chị không có tài sản chung và chị U không yêu cầu nên địa phương không có ý kiến gì.

Tại Công văn số: 1412/QLXNC-P5 ngày 19/01/2023 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an cung cấp: theo dữ liệu Cục Quản lý xuất nhập cảnh quản lý: không có thông tin cấp hộ chiếu và xuất nhập cảnh của trường hợp Phạm Chí B, sinh ngày: 09/5/1987, CCCD số 030087023985.

Chị Trần Thị U có đơn xin vắng mặt tại phiên toà và giữ nguyên quan điểm về việc giải quyết vụ án như chị đã trình bày với Tòa án, ngoài ra, chị không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

Kiểm sát viên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ vợ chồng: xử cho chị Trần Thị U được ly hôn anh Phạm Chí B; về quan hệ con chung: Giao con chung Phạm Mai H, sinh ngày 20/11/2008 cho chị Trần Thị U tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, thời gian kể từ tháng 3/2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị U về việc chị U không yêu cầu anh Phạm Chí B cấp dưỡng nuôi con. Anh Phạm Chí B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về án phí: buộc chị Trần Thị U phải chịu án phí sơ thẩm Hôn nhân và

gia đình theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng. Chị U đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và ấn định thời gian mở phiên tòa vào ngày 21/02/2023; tại phiên tòa, anh B vắng mặt, Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày hôm nay 09/3/2023. Tại phiên tòa hôm nay, anh B vẫn vắng mặt, chị U có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh B, chị U theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ vợ chồng: Chị Trần Thị U và anh Phạm Chí B được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn TK, huyện TK, tỉnh Hải Dương vào ngày 07/6/2008 là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống chung của anh, chị hạnh phúc khoảng 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, vợ chồng không có cùng quan điểm sống và không thống nhất với nhau trong mọi việc. Anh B không tập trung kinh tế với chị. Trong cuộc sống vợ chồng, anh chị thiếu sự quan tâm, chia sẻ đối với nhau nên cuộc sống chung của anh chị không có hạnh phúc. Hai người đã sống ly thân gần 10 năm nay, không còn quan tâm đến nhau. Gia đình hai bên đã hòa giải cho anh chị nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Hiện nay, mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Tòa án đã triệu tập anh B nhiều lần qua mẹ đẻ anh, anh B đã biết việc Tòa án triệu tập nhưng không đến Tòa án làm việc, điều đó thể hiện anh không có thiện chí mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn của chị U và anh B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị U xin ly hôn anh B là phù hợp với quy định tại Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

Về quan hệ con chung: chị U và anh B có một con chung là Phạm Mai H, sinh ngày 20/11/2008, hiện đang ở với chị U. Sau ly hôn, chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Hiện tại, chị đang làm công nhân tại công ty SES VINA, thu nhập trung bình của chị được 5-6 triệu đồng/tháng; bố mẹ đẻ chị sẽ tạo điều kiện cho mẹ con chị về chỗ ở nên chị có đủ điều kiện nuôi dưỡng con tốt. Mặt khác, cháu H có nguyện vọng được ở với mẹ, gia đình chị U và anh

B đều đề nghị Tòa án giao con chung cho chị U nuôi dưỡng. Anh B lại đi làm xa, thỉnh thoảng mới về nhà, chị U có công việc tốt, thu nhập ổn định, có chỗ ở thuận lợi, lại được sự giúp đỡ của bố mẹ đẻ trong việc nuôi dưỡng con nên chị U có nguyện vọng được nuôi dưỡng con và tự nguyện không yêu cầu anh B cấp dưỡng cho con là chính đáng, đảm bảo quyền lợi của con, phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận. Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản chung, tài sản riêng, về các khoản nợ chung, cho vay chung, nợ riêng, cho vay riêng, công sức đóng góp với gia đình hai bên: anh chị không có, chị U không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị U xin ly hôn anh Phạm Chí B nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- *Về quan hệ vợ chồng:* xử cho chị Trần Thị U được ly hôn anh Phạm Chí B.

- *Về quan hệ con chung:* Giao con chung Phạm Mai H, sinh ngày 20/11/2008 cho chị Trần Thị U tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, thời gian kể từ tháng 3/2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị U về việc chị U không yêu cầu anh Phạm Chí B cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phạm Chí B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- *Về án phí:* Chị Trần Thị U phải chịu 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị U đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0003221 ngày 20/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ. Chị Trần Thị U đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí sơ thẩm ly hôn.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị U và anh B. Chị U và anh B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện TK;
- Chi cục THADS huyện TK;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn TK, huyện TK để lưu hộ tịch (Kết hôn ngày 07/06/2008 tại UBND thị trấn TK, huyện TK);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Thúy Hạnh